

THÔNG BÁO

Tuyển sinh cao học đợt 2 năm 2018 - Khóa 38 tại Trường Đại học Tây Nguyên (bổ sung)
(Kèm theo Kế hoạch số /ĐHDN-ĐT ngày /7/2018 của Đại học Đà Nẵng)

1. Ngành tuyển sinh

STT	Mã trường/ngành	Trường/Ngành đào tạo	Chỉ tiêu
	DDS	Trường Đại học Sư phạm	
1	8140101	Giáo dục học	20
2	8440114	Hóa hữu cơ	
3	8220313	Lịch sử Việt Nam	
4	8310401	Tâm lý học	

(Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng)

2. Điều kiện dự tuyển

2.1. Về văn bằng

Người tham gia dự thi thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi nhưng đã tốt nghiệp nhiều năm tính đến thời điểm dự thi hoặc có bằng do cơ sở đào tạo khác cấp, đã học bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo;

d) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học loại Trung bình được đăng ký dự thi vào ngành đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng đúng hoặc gần với ngành tốt nghiệp đại học sau khi học bổ sung kiến thức theo quy định;

đ) Có bằng tốt nghiệp đại học các hệ không chính quy khác, loại Trung bình khá trở lên hoặc tương đương, hoặc loại Trung bình có thêm 1 bằng đại học khác được dự thi vào ngành đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng đúng hoặc gần với ngành tốt nghiệp đại học sau khi đã học bổ sung kiến thức theo quy định.

Ghi chú: Bằng đại học, bằng điểm do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành và học bổ sung các học phần theo quy định của cơ sở đào tạo.

2.2. Về kết quả học bổ sung kiến thức

Đối với các thí sinh cần học các học phần bổ sung, thí sinh phải đăng ký học tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên của ĐHDN và có bằng điểm môn học trước khi dự thi.

3. Môn thi tuyển

Thí sinh dự thi 03 môn: gồm môn Ngoại ngữ, môn Chủ chốt và môn Cơ sở ngành.

a) Môn thi thứ 1 (Ngoại ngữ): Thí sinh được chọn một trong các ngoại ngữ sau: Tiếng Anh; tiếng Nga; tiếng Pháp; tiếng Trung.

b) Môn thi thứ 2 (Chủ chốt): là môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành đào tạo, được xác định theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ;

c) Môn thi thứ 3 (Cơ sở ngành): là môn thi có thể kiểm tra kiến thức một môn học hoặc tích hợp kiểm tra kiến thức một số môn học của trình độ đại học.

4. Miễn thi ngoại ngữ

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của Đại học Đà Nẵng (không trùng với ngôn ngữ chuyên ngành dự tuyển) thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, văn bằng được công nhận theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có **chứng chỉ** trình độ ngoại ngữ (một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức, Nhật) tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi (tham khảo Phụ lục II), được cấp bởi một Trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trong các Trung tâm ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép và công nhận.

Thí sinh tham khảo bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam như sau:

- Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

- Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
3/6 (Khung VN)	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, cơ sở đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

5. Đối tượng và chính sách ưu tiên

5.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học;

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a.

5.2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định của Quy chế này và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi hoặc kiểm tra quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành.

5.3. Các loại giấy tờ cần nộp để hưởng chính sách ưu tiên

- Hợp đồng lao động (có công chứng), quyết định tiếp nhận hoặc điều động công tác có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và xác nhận của xã, phường về việc cơ quan đó nằm trong khu vực được ưu tiên (đối tượng a);

- Bản sao thẻ thương binh/bệnh binh (có công chứng), các loại giấy tờ xác nhận có liên quan (đối tượng b,c,d,đ);

- Bản sao CMND, giấy khai sinh hoặc hộ khẩu và xác nhận của địa phương nơi cư trú (đối tượng e).

6. Đăng ký dự thi, lệ phí

6.1. Đăng ký dự thi

Thí sinh đăng ký dự thi trực tuyến trên trang Tuyển sinh của ĐHQĐN tại địa chỉ: <http://www.ts.udn.vn/>, mục “**Đăng ký trực tuyến**”;

Thời hạn đăng ký dự thi: từ ngày ra thông báo đến hết ngày **07/9/2018**.

Sau khi đăng ký trực tuyến thí sinh nộp các giấy tờ bổ sung tại Trường Đại học Tây Nguyên;

6.2. Lệ phí

Lệ phí đăng ký dự thi: **100.000 đồng/thí sinh/hồ sơ**;

Lệ phí dự thi: **650.000 đồng/thí sinh**. Đối với thí sinh được miễn thi môn Ngoại ngữ: **450.000 đồng/thí sinh**. Thí sinh nộp lệ phí tại Trường Đại học Tây Nguyên.

Kinh phí phát sinh để tổ chức kỳ thi tại cơ sở liên kết (có thông báo sau).

Trường Đại học Tây Nguyên chuyển toàn bộ giấy tờ bổ sung và lệ phí dự thi của thí sinh về ĐHQĐN trước ngày **12/9/2018**.

7. Học bổ sung kiến thức

Thí sinh đăng ký trực tiếp tại Trường Đại học Tây Nguyên.

Trường Đại học Tây Nguyên phối hợp với Trường Đại học Sư phạm để tổ chức các lớp học bổ sung kiến thức và hoàn thành trước khi thí sinh dự thi.

- Phòng Đào tạo trường ĐHSPT, số điện thoại 02363. 841323 (**bấm 113**).

8. Thời gian thi tuyển và nhập học

Thi tuyển: Dự kiến tổ chức vào các ngày: **06 và 07/10/2018**.

Nhập học: Dự kiến tháng **12/2018**.

9. Địa chỉ liên hệ

Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Tây Nguyên.

Tầng 4, Ký túc xá số 2 – Số 567 Lê Duẩn, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk. Điện thoại: 05003.850.599.

Danh mục các môn thi cho từng chuyên ngành; danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi; các môn học bổ sung kiến thức cho các ngành đúng hoặc phù hợp; ngành gần, bảng tham chiếu quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ dành cho trình độ thạc sĩ xem trên Website: <http://www.ts.udn.vn> hoặc <http://www.udn.vn/bandaotao/>.

GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ